TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2021/DS-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Tâm và bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản" thụ lý số 46/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2021/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2021/QĐST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M; địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Lệ T; địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2021).

Bà M và bà T có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé H; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Mộng T1, địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị T2, địa chỉ: Ấp H, xã T2, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Cao Ngọc Y, địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm M và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà M có tham gia dây hụi mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 19/7/2016 âm lịch do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ, dây hụi có 20 phần, bà M tham gia 01 phần đóng hụi sống được 12 lần, đến lần khui thứ 13 thì chủ hụi không khui hụi nữa nên bà H còn nợ bà M 36.000.000 đồng, đến tháng 7/2020 bà H có trả được 2.000.000 đồng, còn lại 34.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Trước đó, bà M có tham gia dây hụi mùa 3.000.000 đồng, mở vào tháng 3/2016 âm lịch do bà Cao Ngọc Y làm chủ, dây hụi có 20 phần, bà M tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 04 lần được tính theo hụi có lãi là 12.000.000 đồng, đến lần thứ 5 thì bà M cho bà Nguyễn Thị Bé H mượn hốt. Sau khi hốt hụi, bà H có đưa tiền cho bà M góp hụi đầy đủ đến lần khui thứ 13 thì ngưng, bà M phải đóng thay được 02 lần số tiền là 6.000.000 đồng. Như vậy dây hụi này bà H nợ bà M 18.000.000 đồng. Dây hụi này còn 05 lần khui nữa mới mãn.

Ngoài ra vào ngày 19/3/2016 âm lịch, bà H có vay của bà M 10.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 5%/tháng và 07 chỉ vàng 24K, lãi 70.000 đồng/chỉ/tháng, có đóng lãi được một thời gian rồi ngưng, đến nay chưa trả vốn gốc.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, bà Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bé H trả nợ hụi là 52.000.000 đồng và vốn vay 07 chỉ vàng 24K (không yêu cầu đối với vốn vay 10.000.000 đồng); sau đó bà M có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần hụi cho mượn có số tiền 18.000.000 đồng (đơn đề ngày 12/7/2021) và đối với vốn vay 07 chỉ vàng 24K (đơn đề ngày 31/8/2021). Yêu cầu khởi kiện còn lại là buộc bà Nguyễn Thị Bé H trả nợ hụi 34.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 34.000.000 đồng, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Nguyễn Thị Bé H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và những người làm chứng bà Nguyễn Thị Mộng T1, bà Phạm Thị T2 và bà Cao Ngọc Y vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại các Điều 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn đòi bị đơn trả 52.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K; nhưng sau đó, nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả 18.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K; xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được xác nhận tại phiên tòa là do nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu đương sự đã rút, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn đã rút là phần tranh chấp hợp đồng vay tài sản được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[4] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà M và bà H đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa bà M với bà H là hợp pháp.

[5] Đối với phía bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng trước đó bà đã vắng mặt tại địa phương không có lý do, hiện nay không biết ở đâu nên được coi là cố tình giấu địa chỉ và từ bỏ quyền chứng minh; mặt khác, Tòa án có xác minh một số người cùng tham gia dây hụi chung với bà M được biết việc bà H tổ chức dây hụi không duy trì đến mãn và có sự tham gia của bà M là có thật.

[6] Xét về lỗi: Bà H là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ do tổ chức các dây hụi mà không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi của các hụi viên chưa được tính toán để hoàn lại; chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà H đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà M, nên việc bà M khởi kiện là có căn cứ.

[7] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định bà H còn nợ bà M 34.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 229, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc giảm bớt số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 18.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Diễm M số tiền 34.000.000 đồng *(ba mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí số tiền 1.700.000 đồng *(một triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

3.2. Bà Nguyễn Thị Diễm M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 2.230.000 đồng *(hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008897 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu